TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 561/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 09-5-2019
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Đình Tiến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thành Viên.

2. Ông Lê Bá Hợp.

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Phan Hoàng Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa:

Bà Lê Anna Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 09/5/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 243/2019/TLST-HNGĐ, ngày 06 tháng 3 năm 2019 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Hoàng L, sinh năm 1976; Địa chỉ: Số 26/3 ấp 5, xã Đông Thạnh, huyện H, Thành phố H (Bà L có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Hoàng Quốc T, sinh năm 1974; Địa chỉ: Số 1279 đường Lê Đức Thọ, Phường 13, quận G, Thành phố H (Ông T có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 22/2/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Bà Nguyễn Thị Hoàng L trình bày:

Bà và ông Hoàng Quốc T kết hôn vào năm 2013, đăng ký kết hôn tại UBND Phường 13, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông T xỉ nhục bà, nói bà là người lừa gạt ông T để chiếm đoạt tài sản, bản thân ông T không phụ giúp gì bà công việc gia đình, thường xuyên ăn nhậu từ đó hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn ngày càng lớn. Hiện nay ông bà đã sống ly thân. Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên bà xin ly hôn với ông T để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Có một con chung tên Hoàng Thiên Tân, sinh ngày 27/01/2014. Bà L yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung, Bà L không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai ngày 21/3/2019 bị đơn ông Hoàng Quốc T trình bày: Ông thống nhất với phần trình bày của Bà L về quan hệ hôn nhân hợp pháp, con chung cũng như tài sản chung. Tuy nhiên ông cho rằng quá trình chung sống giữa ông bà là hạnh phúc, không có mâu thuẫn lớn, chỉ là cãi nhau về việc nuôi dạy con. Nên ông không đồng ý ly hôn.

Mặc dù ông T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhưng ông T vẫn không đến Tòa án, do đó Tòa án không tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành hòa giải được. Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp:

Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên toà sơ thẩm.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên toà hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng các Điều 70 và 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho nguyên đơn Bà Nguyễn Thị Hoàng L được ly hôn với ông Hoàng Quốc T. Về con chung: Giao cho Bà L trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Về tài sản chung, nợ chung không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án:

Yêu cầu xin ly hôn của Bà Nguyễn Thị Hoàng L đối với ông Hoàng Quốc T là quan hệ tranh chấp về hôn nhân gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về người tham gia tố tụng:

Bà L ông T có đơn xin xét xử vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt Bà L ông T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu của đương sự:

Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 15 do UBND Phường 13, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông T, Bà L ngày 08/3/2013 đã xác định quan hệ hôn nhân giữa ông T và Bà L là quan hệ hôn nhân hợp pháp được điều chỉnh bởi Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Bà L yêu cầu được ly hôn với ông T vì cho rằng do ông T xỉ nhục bà, nói bà là người lừa gạt ông T để chiếm đoạt tài sản, bản thân ông T không phụ giúp gì bà công việc gia đình, thường xuyên ăn nhậu từ đó hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn ngày càng lớn.

Ông T có bản tự khai không đồng ý ly hôn với lý do quá trình chung sống giữa ông bà là hạnh phúc, không có mâu thuẫn lớn, chỉ là cãi nhau về việc nuôi dạy con. Tuy nhiên ông T đã được Tòa án triệu tập nhiều lần đến Tòa để tiến hành hòa giải đoàn tụ gia đình, nhưng ông T vẫn không đến Tòa án theo giấy triệu tập. Điều này thể hiện ông T không quan tâm đến chuyện hàn gắn tình cảm vợ chồng, bỏ mặc cho Tòa án giải quyết.

Xét thấy hôn nhân là sự tự nguyện, mục đích của hôn nhân là xây dựng một gia đình ấm no, hạnh phúc, bền vững, là sự nỗ lực phấn đấu, xây dựng của cả hai bên vợ chồng. Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc trong gia đình. Nhưng giữa Bà L và ông T đã không còn sống chung với nhau. Nay Bà L kiên quyết xin ly hôn cho thấy hôn nhân giữa Bà L và ông T đã rơi vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Bà L yêu cầu giải quyết ly hôn với ông T là hoàn toàn có cơ sở, phù hợp với Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận.

Về con chung: Bà L yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung, Bà L không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy việc giao con cho ai nuôi là căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con. Ông T không đến Tòa án, cũng không có ý kiến gì về con chung. Hiện nay Bà L đang trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Hoàng Thiên Tân. Do đó, để đảm bảo sự ổn định trong việc chăm sóc, giáo dục con, Hội đồng xét xử nghĩ chấp nhận yêu cầu của Bà L giao con chung cho Bà L trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà L khai tự thỏa thuận, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Bà L khai không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở.

Án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng Bà L chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của Bà Nguyễn Thị Hoàng L đối với ông Hoàng Quốc T.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Hoàng L được ly hôn với ông Hoàng Quốc T (Giấy chứng nhận kết hôn số 15 do UBND Phường 13, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông T, Bà L ngày 08/3/2013 không còn giá trị).

- Về con chung: Giao trẻ Hoàng Thiên Tân, sinh ngày 27/01/2014 cho Bà L trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho ông T đến khi nào Bà L có đơn yêu cầu.

Ông T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở quyền này của ông T.

Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà L khai tự thỏa thuận, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Bà L khai không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng Bà L chịu, được cấn trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí Bà L đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0000193 ngày 06/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp. Bà L đã nộp đủ án phí.

3. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý

do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.Gò Vấp;
- CCTHADS Q.Gò Vấp;
- UBND F.13, Q.Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh,
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ .

aqAATM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Đình Tiến